TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HÔI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-PT

Ngày 23 tháng 01 năm 2018

V/v: "Tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Chí Trung

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu

Ông Nguyễn Tấn Anh

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng-Thư ký TAND TP Đà Nẵng.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Ngô Văn Hùng-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 40/2017/HNGĐ-PT ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc *"Chia tài sản chung, nợ chung",* do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 123/2017/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 99/2017/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2017/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2017; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 40/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017; Thông báo về thời gian mở phiên tòa số: 238/2017/TB-TA ngày 27 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2018 giữa:

-Nguyên đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm: 1963.

Trú tại: Số X0 đường Đ3, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

-Bị đơn: Ông Hoàng Thanh H, sinh năm: 1960.

Trú tại: Số X49 đường T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Trung tâm PQ thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ: Số X5, đường T, quận C, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

-Người giám định:

Công ty TĐ-CĐN.

Địa chỉ: Số X04-X06-X08 đường T, quận C thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Hoàng Thanh H.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Bà Võ Thị L trình bày:

Tôi và ông Hoàng Thanh H sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn. Đến tháng 10/2016 Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng không công nhận vợ chồng theo Bản án số: 138/2016/HNGĐ-ST ngày 28/10/2016.

Trong thời gian chung sống tôi và ông H có tạo lập được tài sản chung sau đây:

-Một căn nhà cấp 4 tại X49 đường T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

-Lô đất tại khu N3, phường M, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Về nợ chung: Nợ Trung tâm PQ thành phố Đà Nẵng số tiền 987.448.000đ, yêu cầu Tòa án chia theo quy định của pháp luật.

Nay tôi xin nhận nhà và đất tại số X49 đường T, thành phố Đà Nẵng và giao cho ông H lô đất tại khu N3, phường M, quận C. Đồng thời tôi có nghĩa vụ trả nợ tiền đất cho nhà nước và thối trả tiền chênh lệch tài sản cho ông H cũng như trả cho ông H số tiền 120.120.000đ mà ông H đã nộp tiền đất tại khu N3, phường M, quận C.

-Ông Hoàng Thanh H trình bày:

Bà Võ Thị L yêu cầu chia tài sản chung là nhà tại số X49 đường T, thành phố Đà Nẵng tôi thống nhất, không có ý kiến gì.

Lô đất tại khu N, phường M, quận C, thành phố Đà Nẵng, nhà nước chỉ cấp phiếu chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tôi thống nhất không có ý kiến gì.

Về nợ chung: Tôi thừa nhận có nợ Trung tâm PQ thành phố Đà Nẵng số tiền 987.448.000đ, yêu cầu Tòa án chia theo quy định của pháp luật.

Tôi xin nhận nhà và đất tại số X49 đường T, thành phố Đà Nẵng. Nếu không thì chia đôi nhà và đất cho 02 bên và tôi có nghĩa vụ trả tiền đất còn nợ cho nhà nước, đồng thời thối trả tiền chênh lệch tài sản cho bà L, sau khi trừ đi số tiền 120.120.000đ tôi đã nộp tiền đất tại khu N3, phường M, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Với nội dung trên, án sơ thẩm đã xử và quyết định:

Căn cứ vào Điều 14; Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 208; Điều 210 Bộ luật dân sự; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc chia tài sản chung và nợ chung của bà Võ Thị L đối với ông Hoàng Thanh H, tuyên xử:

1. Bà Võ Thị L được quản lý, sử dụng ngôi nhà cấp 4, tường gạch, mái tôn, nền gạch men, gác lửng diện tích 39,35m^2, diện tích xây dựng 98,2m^2, diện tích sử dụng 137,55m^2, tọa lạc trên lô đất số 69, đường 7,5m, diện tích 114,5m^2, tại Số X49 đường T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, theo tứ cận: Bắc giáp lô đất số 68, dài 22.90m; Nam giáp lô đất số 70 (nhà đất ông K), dài 22.90m; Đông giáp mương thoát nước, rộng 5.0m; Tây giáp đường T, rộng 5.0m.

Theo Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất và nhận nợ tiền sử dụng đất số: 07 PT/HĐ-NTSDĐ ngày 18/4/2006 của Công ty X.X, thành phố Đà Nẵng. Trị giá nhà và đất là 3.305.184.155đ.

2. Ông Hoàng Thanh H được quản lý, sử dụng 01 lô đất số 31, phân khu BT3, đường 5,5m, khu N, diện tích 91,0m^2, tại tổ 41, phường M, quận C, thành phố Đà Nẵng, theo tứ cận: Bắc giáp lô đất số 30, dài 18.20m; Nam giáp lô đất số 32, dài 18.20m; Đông giáp mương thoát nước, rộng 5.0m; Tây giáp đường N3, rộng 5.0m.

Theo Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất số: 797/HĐ-TN ngày 20/01/2009 của Công ty P thành phố Đà Nẵng. Trị giá đất là 959.013.442đ.

Buộc bà Võ Thị L có nghĩa vụ thối trả tiền chênh lệch tài sản cho ông Hoàng Thanh H là: 649.886.034đ và 120.120.000đ, ông H đã nộp tiền đất (lô đất số 31, phân khu BT3, đường 5,5m, khu N, tại tổ X1, phường M, quận C). Tổng cộng: 770.006.034đ.

Các bên đương sự được giao đất có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

3. Về nợ chung: Bà Võ Thị L phải có nghĩa vụ trả tiền nợ lô đất số 69, đường 7,5m, diện tích 114,5m^2, tại Số X49 đường T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng cho Trung tâm PQ thành phố Đà Nẵng là: 1.046.398.64đ, theo Giấy xác nhận số: 165/GXN-CN2, ngày 13/9/2017 của Chi nhánh Trung tâm PQ thành phố Đà Nẵng.

Nếu bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Trung tâm PQ thành phố Đà Nẵng khởi kiện, Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị L phải chịu: 56.663.384đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000đ, theo biên lai thu số 0004388 ngày 22/5/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Bà L còn phải nộp 51.663.384đ, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

-Ông Hoàng Thanh H phải chịu: 60.266.984đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các bên đương sự

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, ông Hoàng Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 16 tháng 10 năm 2017, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị số: 06/QĐKNPT-VKS-DS, đề nghị Tòa án cấp phúc

thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa Bản án sơ thẩm về phần án phí; Xác định lại tư cách tố tụng của Công ty TĐ-CĐN; Loại trừ quyền khởi kiện và xác định lại quyền yêu cầu thi hành án của Trung tâm PQ thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Ông Hoàng Thanh H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chia nhà đất tại X49 đường T, thành phố Đà Nẵng theo tỉ lệ ông được 60% và bà L 40%. Riêng đối với lô đất tại phân khu BT3, đường 5,5m, khu N, phường M, quận C, thành phố Đà Nẵng là tài sản riêng của ông, ông không đồng ý chia.

[2] Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, ông H bà L yêu cầu định giá lại nhà đất tại X49 đường T, thành phố Đà Nẵng và lô đất tại Khu N3. Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số: 154/2017/CT AFA ngày 25 tháng 12 năm 2017 thì lô đất tại Khu N3 có giá trị: 1.183.000.000đ và Chứng thẩm định giá số: 153/2017/CT AFA ngày 25 tháng 12 năm 2017 thì nhà đất tại X49 đường T, thành phố Đà Nẵng có giá trị: 5.792.742.805đ.

[3] Tại buổi làm việc ngày 27 tháng 12 năm 2017 do Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tiến hành, ông H bà L thống nhất như sau:

[3.1] Đối với nhà đất tại X49 đường T, thành phố Đà Nẵng: Sau khi trừ số tiền còn nợ Trung tâm PQ thành phố Đà Nẵng, giao cho bà L sở hữu nhà đất, bà L trích trả cho ông H 50% giá trị nhà đất.

[3.2] Đối với lô đất tại Khu N3: Giao cho ông H quản lý, sử dụng lô đất, ông H trích trả cho bà L 50% giá trị lô đất. Do ông H đã nộp số tiền 240.240.000đ, do đó bà L hoàn cho ông H số tiền 120.120.000đ.

[3.3] Về chi phí định giá tài sản tại cấp sơ thẩm: 15.500.000đ. Số tiền này bà L đã nộp, do đó ông H hoàn cho bà L ½ số tiền là: 7.750.000đ.

[3.4] Về chi phí đinh giá tài sản tại cấp phúc thẩm: 15.400.000đ. bà L đã nộp 5.500.000đ. ông H đã nộp 9.900.000đ, do đó bà L hoàn cho ông H số tiền 2.200.000đ.

[4] Căn cứ cung cấp của Trung tâm PQ thành phố Đà Nẵng thì đến ngày xét xử phúc thẩm, số tiền bà L, ông H còn nợ Trung tâm PQ thành phố Đà Nẵng-Chi nhánh Trung tâm PQ số 2 là: 1.084.909.118đ.

[5] Tại phiên tòa, ông Hoàng Thanh H bà Võ Thị L thống nhất việc giao tài sản và thối trả chênh lệch như thỏa thuận tại biên bản làm việc ngày 27 tháng 12 năm 2017.

[6] Xét thấy, sự thoả thuận giữa và Võ Thị L và ông Hoàng Thanh H là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, HĐXX sửa bản án, công nhận thỏa thuận của các đương sự như đề nghị của của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm trưng cầu Công ty TĐ-CĐN, định giá tài sản tranh chấp. Theo điều 79 Bộ luật tố tụng dân sự thì Công ty TĐ-CĐN là người giám định, cấp sơ thẩm xác định Công ty TĐ-CĐN là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là không đúng. Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng về tư cách tham gia tố tụng của Công ty TĐ-CĐN là có cơ sở.

[8] Tại quyết định bản án, cấp sơ thẩm vừa xử buộc bà L trả nợ cho Trung tâm PQ thành phố Đà Nẵng vừa tuyên quyền khởi kiện của Trung tâm PQ thành phố Đà Nẵng trong trường hợp bà L không trả nợ, là không đúng. HĐXX chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng về nội dung này.

[9] Ngoài ra, đối với nợ chung, cấp sơ thẩm không buộc ông H bà L chịu án phí là không đúng, kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung này là có cơ sở nhưng không phù hợp về điểm, khoản của Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. HĐXX buộc ông H bà L, mỗi người phải chịu án phí theo quy định tại Điểm b, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, ngoài việc phải chịu án phí đối với tổng giá trị tài sản được nhận 2.825.296.843đ, là: 88.505.936đ, ông Hoàng Thanh H và bà Võ Thị L mỗi người còn phải chịu án phí đối với số tiền: 542.454.559đ, là: 25.698.182đ.

[10] Từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, sửa bản án sơ thẩm, công nhận thỏa thuận giữa bà Võ Thị L và ông Hoàng Thanh H.

[11] Do sửa án và công nhận thỏa thuận nên ông H phải chịu án phí HNGĐ phúc thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 BLTTDS; Điều 14; Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình.

I/ Chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 123/2017/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Võ Thị L và ông Hoàng Thanh H tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

1.1. Bà Võ Thị L được sở hữu toàn bộ ngôi nhà 01 tầng, gác lững gỗ; tường xây, mái tôn; nền gạch men, tọa lạc trên lô đất số 69, khu dân cư mới, mang số X49 đường T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng; Tứ cận: Đông giáp: Mương thoát nước; Tây giáp: Đường T; Nam giáp: Lô đất số 70; Bắc giáp: Lô đất số 68. Trị giá nhà và đất: 5.792.742.805đ.

1.1.1. Sau khi trừ số tiền 1.084.909.118đ, nợ Trung tâm PQ thành phố Đà Nẵng-Chi nhánh Trung tâm PQ số 2, bà Võ Thị L thối trả cho ông Hoàng Thanh H số tiền chênh lệch tài sản là: 2.353.916.843đ (hai tỉ, ba trăm năm mươi ba triệu, chín trăm mười sáu nghìn, tám trăm bốn mươi ba đồng).

1.1.2. Bà Võ Thị L có nghĩa vụ trả cho Trung tâm PQ thành phố Đà Nẵng-Chi nhánh Trung tâm PQ số 2, số tiền: 1.084.909.118đ (tính đến ngày 23 tháng 01 năm 2018).

1.2. Ông Hoàng Thanh H được toàn quyền quản lý, sử dụng Lô đất số 31, tại Phân khu BT3, khu dân cư N, phường M, quận C, thành phố Đà Nẵng. Tứ cận: Đông

giáp: Mương thoát nước; Tây giáp: Đường N3; Nam giáp: Lô số 32-BT3; Bắc giáp: Lô số 30-BT3. Trị giá: 1.183.000.000đ.

Sau khi trừ số tiền 240.240.000đ do ông Hoàng Thanh H đã nộp cho Trung tâm PQ, ông Hoàng Thanh H thối trả cho bà Võ Thị L số tiền chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất là: 471.380.000đ (bốn trăm bảy mươi mốt triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng).

1.3. Về chi phí định giá tài sản:

1.3.1. Chi phí định giá tại cấp sơ thẩm: Ông Hoàng Thanh H hoàn cho bà Võ Thị L số tiền là: 7.750.000đ.

1.3.2. Chi phí đinh giá tại cấp phúc thẩm: Bà Võ Thị L hoàn cho ông Hoàng Thanh H số tiền: 2.200.000đ.

1.4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.5. Án phí TCDS:

1.5.1. Ông Hoàng Thanh H phải chịu: 114.204.118đ.

1.5.2. Bà Võ Thị L phải chịu: 114.204.118đ, được khấu trừ vào 5.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp (biên lai thu số: 0004388 ngày 22 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng). Bà Võ Thị L phải nộp tiếp số tiền án phí: 109.204.118đ.

II/ Án phí HNGĐ-PT, ông Hoàng Thanh H phải chịu 300.000đ được trừ vào 3000.000đ tạm ứng án phí đã nộp (biên lai thu số: 000 4413 ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng).

III/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên và được thi hành theo quy định tại Điều 02 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7

và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND TP Đà Nẵng;
-TAND quận S;
-Chi cục THADS quận S;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Trương Chí Trung